



PHỤ LỤC 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI BỆNH VIỆN SẢN - NHI TỈNH QUẢNG NGÃI (Tại 1 thời điểm)

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	62.72.01.31.CK	Chuyên khoa II	Sản phụ khoa	Chuyên ngành 1: Sản khó và cấp cứu sản khoa		- Khoa Sản; - Khoa chẩn đoán và điều trị trước sinh	7	35	146	438	0	28
2	62.72.01.31.CK	Chuyên khoa II	Sản phụ khoa	Chuyên ngành 2: Thai kỳ nguy cơ cao		- Khoa Sản; - Khoa Phụ; - Khoa tổng hợp; - Khoa chẩn đoán và điều trị trước sinh	7	35	258	774	0	28
3	62.72.01.31.CK	Chuyên khoa II	Sản phụ khoa	Chuyên ngành 3: Các thương tổn và khối u lành tính cơ quan sinh dục		Khoa Phụ	7	35	97	291	0	28
4	62.72.01.31.CK	Chuyên khoa II	Sản phụ khoa	Chuyên ngành 4: Ung thư phụ khoa		- Khoa Phụ - Khoa khám bệnh	7	35	101	303	0	28

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
5	62.72.01.31.CK	Chuyên khoa II	Sản phụ khoa	Chuyên ngành 5: Nội tiết - Hỗ trợ sinh sản	- Khoa Phụ; - Khoa khám bệnh; - Khoa Hiếm muộn		7	35	103	309	0	28
6	62.72.01.31.CK	Chuyên khoa II	Sản phụ khoa	Chuyên ngành 6: Thăm dò sản phụ khoa	- Khoa Sản; - Khoa chẩn đoán và điều trị trước sinh; - Khoa khám bệnh; - Khoa Phụ		7	35	247	741	0	28
7	62.72.01.31.CK	Chuyên khoa II	Sản phụ khoa	Chuyên ngành 7: Học phần Thực hành tự chọn	- Khoa khám bệnh; - Khoa Sản; - Khoa Phụ; - Khoa hiếm muộn; - Khoa chẩn đoán và điều trị trước sinh; - Khoa Tổng hợp		7	35	264	792	0	28

* Có khung chương trình chi tiết giảng dạy kèm theo./.